TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Ngọc Cúc

+ Bà Vũ Thị Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2022/TLST–HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Ngọc Y B, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Ấp 4, xã B, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trương Quốc V, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: Đường B, Tổ 12, Ấp 1, xã B, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

(Bà B có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Võ Ngọc Y B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Quốc V chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2021. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V nhiều lần đi nhậu xỉn về mắng chửi và đuổi bà B về nhà cha mẹ đẻ của bà B, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính

tình. Gia đình hai bên cũng đã nói chuyện để hàn gắn cho hai vợ chồng ông bà nhưng không được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trương Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, thông báo giao nộp tài liệu, chứng cứ nhưng không thực hiện và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên không có lời khai.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn; về con chung, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Ngọc Y B khởi kiện ông Trương Quốc V yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Về quan hệ pháp luật: Bà B yêu cầu ly hôn với ông V nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn".

- Nguyên đơn bà Võ Ngọc Y B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trương Quốc V đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn xin vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông V sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10/2021 ngày 08/3/2021, căn cứ các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng tại địa phương nơi cư trú cho thấy: quá trình chung sống giữa bà B và ông V có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến xung đột, cãi vã; hiện nay vợ chồng ông bà không sống chung nhà; mâu thuẫn của vợ chồng chưa qua hòa giải tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải nhưng ông V vẫn vắng mặt không đến Tòa, không có lý do chính đáng nên không thể tiến hành hòa giải. Điều này cho thấy ông V không muốn hòa giải, đoàn tụ gia đình. Bà B vẫn cương quyết được ly hôn với ông V do không thể tiếp tục sống chung được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa bà B và ông V là có thật, kéo dài, không thể hàn gắn nên yêu cầu của bà B về việc ly hôn là có cơ sở chấp nhận, cho bà B được ly hôn với ông Trương Quốc V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Võ Ngọc Y B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 56, 57 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc Y B về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Ngọc Y B được ly hôn với ông Trương Quốc V.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Võ Ngọc Y B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004137 ngày 31/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Bà B đã nộp đủ án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Nhung